

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NGHỆ AN  
Số: .....  
Ngày: 26/5  
Số: 193 /QĐ-UBND  
Chuyên: 20.1.2014  
Nghệ An, ngày 17 tháng 01 năm 2014

Số: 193 /QĐ-UBND  
Chuyên: 20.1.2014  
Nghệ An, ngày 17 tháng 01 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển  
cây cao su tỉnh Nghệ An giai đoạn 2013 - 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ các quy định hiện hành về quản lý Đầu tư và Xây dựng;

Xét đề nghị của Đoàn Quy hoạch nông nghiệp và thủy lợi Nghệ An tại Tờ trình số 185/TTr-QHNN&TL ngày 29/11/2013, đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Báo cáo thẩm định số 559/BC-SNN-KHTC ngày 10/11/2013 về việc Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cây cao su tỉnh Nghệ An giai đoạn 2013-2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cây Cao su tỉnh Nghệ An giai đoạn 2013 – 2020 do Đoàn Quy hoạch Nông nghiệp và Thủy lợi Nghệ An lập, với những nội dung sau:

**I. Mục tiêu quy hoạch**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Trên cơ sở phát huy lợi thế của vùng, sử dụng hợp lý và khai thác hiệu quả quỹ đất để phát triển các vùng cao su tập trung gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị nhằm nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm cao su. Đẩy mạnh liên doanh, liên kết giữa người trồng cao su và các doanh nghiệp từ trồng mới, chăm sóc, thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm với quản lý vùng nguyên liệu.

Hình thành và xây dựng được đội ngũ cán bộ, lao động kỹ thuật, lao động sản xuất có trình độ chuyên môn cao, đồng thời từng bước thay đổi được tư duy, tập quán sản xuất truyền thống chuyển sang sản xuất theo hướng hàng hóa, đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ, nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất.

Tập trung phát triển công nghệ sau thu hoạch theo hướng hiện đại, nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm Cao su.

Gắn phát triển vùng cao su công nghiệp với phát triển và chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn qua đó góp phần xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

## 2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2015: Diện tích Cao su toàn tỉnh đến năm 2015 là 22.663 (Phương án quy hoạch cũ 32.133,8 ha), diện tích cao su kinh doanh 5.300 ha, năng suất 45 tạ/ha, sản lượng mù tươi 23.800 tấn, tương đương 6.900 tấn mù khô.

- Đến năm 2020: Tổng diện tích Cao su 23.500 ha (Phương án quy hoạch cũ 37.410,2 ha), diện tích Cao su kinh doanh 13.000 ha, năng suất 50 tạ/ha, sản lượng mù tươi 65.000 tấn, tương đương 18.000 tấn mù khô.

## II. Nội dung điều chỉnh, bổ sung quy hoạch

### 1. Khả năng bố trí quỹ đất để phát triển cao su

Quy hoạch phát triển cây cao su có tính chất lâu dài, nhu cầu vốn đầu tư lớn, ưu tiên các vùng đất có điều kiện thuận lợi cho đầu tư sản xuất, như: Vùng trồng Cao su có diện tích tập trung, liền vùng, liền khoảnh; độ dốc  $\leq 25^{\circ}$ ; tầng dày canh tác  $\geq 70\text{cm}$  và thuận lợi về giao thông, không có tranh chấp với các loại cây trồng khác đã quy hoạch trước đó.

Tổng diện tích quy hoạch phát triển cây cao su toàn tỉnh đến năm 2020 sau điều chỉnh, bổ sung là 23.500 ha, được bố trí cụ thể như sau:

a) Diện tích trồng cao su giảm để chuyển sang bố trí các loại cây trồng khác

Điều chỉnh giảm diện tích cao su chuyển sang bố trí trồng cỏ làm thức ăn cho bò sữa của Công ty cổ phần thực phẩm sữa TH là 1.244 ha (theo Quyết định 4385/QĐ-UBND.ĐT ngày 02/11/2012 của UBND tỉnh). Trong đó: Công ty TNHH MTV nông nghiệp Xuân Thành điều chỉnh giảm 177 ha; Công ty TNHH MTV Nông công nghiệp 3/2 là 53 ha; Công ty TNHH MTV 1/5: 160 ha; Công ty TNHH MTV cà phê cao su Nghệ an 854 ha (Nông trường Đông Hiếu: 334 ha; Nông trường Tây Hiếu 1: 243 ha; Nông trường Tây Hiếu 2: 41 ha; Nông trường Tây Hiếu 3: 41 ha và Nông trường Cờ đỏ: 195 ha)

Diện tích cao su hiện trạng dự kiến chuyển sang các mục đích khác như sau:

TT	Huyện, thị	DT cao su đến cuối năm 2012 (ha)	Diện tích cao su chuyển sang trồng cỏ thức ăn chăn nuôi bò sữa (ha)	DT cao su hiện trạng dự kiến còn lại sau chuyển đổi (ha)
	<b>Tổng số:</b>	<b>8.443</b>	<b>1.244</b>	<b>7.199</b>
1	Nghĩa Đàn	2.400	437	1.963
2	Thái Hòa	1.656	577	1.079
3	Quỳ Hợp	1.229	230	999
4	Tân Kỳ	2.346	-	2.346
5	Quỳ Châu	94	-	94
6	Anh Sơn	450	-	450
7	Thanh Chương	268	-	268

b) Khả năng bổ sung diện tích quy hoạch cao su giai đoạn 2013 -2020

Theo điều tra của đoàn Quy hoạch nông nghiệp và thủy lợi Nghệ An, tổng hợp diện tích có khả năng mở rộng trồng cao su trên các loại hiện trạng như sau:

TT	Huyện, thị	Diện tích cao su có khả năng mở rộng thêm (ha)	Trong đó					Đất chưa sử dụng
			Mía	Cây hàng năm khác	Cây lâu năm khác	Rừng sản xuất	Rừng nghèo	
	<b>Tổng số:</b>	<b>16.301</b>	<b>733</b>	<b>1.190</b>	<b>439</b>	<b>6.843</b>	<b>5.860</b>	<b>1.236</b>
1	Nghĩa Đàn	1.920	297	444	395	104	680	-
2	Quỳ Hợp	771	296	410	-	65	-	-
3	Tân kỳ	1.183	140	336	44	663	-	-
4	Quỳ Châu	2.386	-	-	-	2.386	-	-
5	Quế phong	3.089	-	-	-	1.853	-	1.236
6	Anh Sơn	2.984	-	-	-	-	2.984	-
7	Thanh Chương	3968	-	-	-	1.772	2196	-

**2. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch đất trồng cao su**

a) Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cao su đến năm 2015

Mục tiêu đến năm 2015 diện tích cao su Nghệ An đạt 22.663 ha, từ nay đến năm 2015 cần tập trung đầu tư trồng mới 14.220 ha. Được bố trí trên địa bàn các huyện, thị như sau:

- Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cao su đến năm 2015 phân theo địa bàn huyện, thị

TT	Huyện, thị	Phương án quy hoạch trước khi điều chỉnh (ha)	Phương án quy hoạch điều chỉnh, bổ sung (ha)	Trong đó		Tăng (+), giảm (-)
				DT cao su hiện có (ha)	DT trồng mới (ha)	
	<b>Tổng số:</b>	<b>32.133,8</b>	<b>22.663</b>	<b>8.443</b>	<b>14.220</b>	<b>-9.470,8</b>
1	Nghĩa Đàn	4.601,0	4.320	2.400	1.920	-281,0
2	Thái Hòa	1.505,0	1.656	1.656	0	151,0
3	Quỳ Hợp	1.918,0	1.755	1.229	526	-163,0
4	Tân Kỳ	3.590,8	3.288	2.346	942	-302,8
5	Quỳ Châu	6.860,0	1.353	94	1.259	-5.507,0
6	Quế Phong	1.922,0	3.089	0	3.089	1.167,0
7	Yên Thành	1.568,0	-	-	-	-1.568,0
8	Quỳnh Lưu	2.910,0	-	-	-	-2.910,0
9	Anh Sơn	3.012,9	3.434	450	2.984	421,10
10	Thanh Chương	4.246,10	3.768	268	3.500	-478,10

- Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cao su đến năm 2015 phân theo doanh nghiệp

TT	Đơn vị	Tổng cộng (ha)	Diện tích cao su hiện có năm 2012	Diện tích mở rộng thêm		
				Đất SXNN	Đất Lâm nghiệp	Đất chưa sử dụng
	<b>Tổng số:</b>	<b>22.663</b>	<b>8.443</b>	<b>1.366</b>	<b>12.429</b>	<b>425</b>
<b>I</b>	<b>Doanh nghiệp</b>	<b>17.874</b>	<b>6.930</b>	<b>203</b>	<b>10.930</b>	<b>425</b>
1	CT CP Đầu tư PT Cao su Nghệ An	9.573	718	-	8.430	425
2	CT TNHH MTV Cà phê - cao su NA	2.001	2.615	-	-	-
3	CT THHH LNN Sông Hiếu	2.001	94	-	1.907	-
4	CT TNHH Kiều Phương	200	-	-	200	-
5	Tổng đội TNXP 4- XDKT	200	-	-	200	-
6	Tổng đội TNXP 3- XDKT	193	-	-	193	-
7	CT THHH MTV Nông nghiệp An Ngãi	720	600	120	-	-
8	CT TNHH MTV Nông nghiệp Sông Con	904	904	-	-	-
9	Công ty TNHH MTV 1-5	770	770	-	-	-
10	CT TNHH MTV Nông công nghiệp 3/2	737	697	40	-	-
11	CT TNHH MTV NN Xuân Thành	575	532	43	-	-
<b>II</b>	<b>Hộ dân</b>	<b>4.789</b>	<b>1.513</b>	<b>1.163</b>	<b>1.499</b>	<b>-</b>

b) Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cao su đến năm 2020

- Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cao su đến năm 2020 phân theo địa bàn huyện, thị:

TT	Huyện, thị	Phương án quy hoạch trước khi điều chỉnh (ha)	Phương án quy hoạch điều chỉnh, bổ sung 2020 (ha)	Trong đó			Tăng (+), giảm (-)
				Diện tích cao su QH đến năm 2015	DT cao su sau năm 2015 chuyển sang trồng có TH	DT cao su tiếp tục mở rộng thêm giai đoạn 2016 - 2020	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(7)-(6)	(5)	(6)	(7)	(8)
	<b>Tổng số:</b>	<b>37.410,2</b>	<b>23.500</b>	<b>22.663</b>	<b>1.244</b>	<b>2.081</b>	<b>-13.910</b>
1	Nghĩa Đàn	5.674,4	3.883	4.320	437	-	-1.791
2	Thái Hòa	1.505,0	1.079	1.656	577	-	-426
3	Quỳ Hợp	2.235,1	1.770	1.755	230	245	-465
4	Tân Kỳ	4.746,8	3.529	3.288	-	241	-1.218
5	Quỳ Châu	9.178,3	2.480	1.353	-	1127	-6.698
6	Quỳnh Lưu	2.910,0	-	-	-	-	-2.910
7	Quế Phong	1.922,0	3.089	3.089	-	-	1.167
8	Anh Sơn	3.433,7	3.434	3.434	-	-	-
9	Thanh Chương	4.236,9	4.236	3.768	-	468	-1
10	Yên Thành	1.568,0	-	-	-	0	-1.568

- Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cao su đến năm 2020 phân theo doanh nghiệp:

TT	Đơn vị	Điều chỉnh QH cao su đến năm 2020 (ha)	DT cao su hiện trạng còn lại sau khi chuyển sang QH khác (ha)	Diện tích mở rộng thêm		
				Đất SX NN	Đất Lâm nghiệp	Đất chưa sử dụng
	<b>Tổng số:</b>	<b>23.500</b>	<b>7.402</b>	<b>2.017</b>	<b>12.845</b>	<b>1.236</b>
<b>I</b>	<b>Doanh nghiệp</b>	<b>18.711</b>	<b>5.889</b>	<b>240</b>	<b>11.346</b>	<b>1.236</b>
1	CT CP đầu tư phát triển cao su NA	10.759	718		8.805	1236
2	CT TNHH MTV Cà phê cao su Nghệ An	2.001	1.761	240	-	-
3	CT TNHH MTV Lâm Nghiệp Sông Hiếu	2.001	94	-	1.907	-
4	CT TNHH Kiều Phương	241	-	-	241	-
5	Tổng đội TNXP 4- XDKT	200	-	-	200	-
6	Tổng đội TNXP 3- XDKT	193	-	-	193	-
7	CT TNHH MTV Nông nghiệp An Ngãi	720	720	-	-	-
8	CT TNHH MTV Nông nghiệp Sông Con	904	904	-	-	-
9	Công ty TNHH MTV 1-5	610	610	-	-	-
10	CT TNHH MTV Nông công nghiệp 3/2	684	684	-	-	-
11	CT TNHH MTV NN Xuân Thành	398	398	-	-	-
<b>II</b>	<b>Hộ dân</b>	<b>4.789</b>	<b>1.513</b>	<b>1.777</b>	<b>1.499</b>	<b>-</b>

c) Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cao su đến năm 2020 phân theo loại đất

TT	Huyện, thị	Phương án điều chỉnh, bổ sung đến năm 2020 (ha)	DT cao su hiện trạng còn lại sau khi chuyển sang QH khác (ha)	Diện tích mở rộng thêm		
				Trên đất SX nông nghiệp (ha)	Trên đất lâm nghiệp (ha)	Trên đất chưa sử dụng (ha)
	<b>Tổng số</b>	<b>23.500</b>	<b>7.402</b>	<b>2.017</b>	<b>12.845</b>	<b>1.236</b>
1	Nghĩa Đàn	3.883	1.963	1.136	784	-
2	Thái Hòa	1.079	1.079	-	-	-
3	Quỳ Hợp	1.770	1082	349	339	-
4	Tân Kỳ	3.529	2.466	532	531	-
5	Quỳ Châu	2.480	94	-	2.386	-
6	Quế Phong	3.089	-	-	1.853	1236
7	Anh Sơn	3.434	450	-	2.984	-
8	Thanh Chương	4.236	268	-	3.968	-

d) Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cao su đến năm 2020 phân theo độ dốc

TT	Huyện, thị	ĐVT	Tổng diện tích quy hoạch đến năm 2020 (ha)	Phân theo độ dốc		
				0-8 <sup>0</sup>	15-20 <sup>0</sup>	15-25 <sup>0</sup>
	<b>Tổng số:</b>		<b>23.500</b>	<b>8.951</b>	<b>12.389</b>	<b>2.160</b>
1	Nghĩa Đàn	Ha	3.883	3.099	784	-
2	Thái Hòa	Ha	1.079	1.079	-	-
3	Quỳ Hợp	Ha	1.770	1.431	339	-
4	Tân Kỳ	Ha	3.529	2.530	999	-
5	Quỳ Châu	Ha	2.480	94	1.841	545
6	Quế Phong	Ha	3.089	-	2.316	773
7	Anh Sơn	Ha	3.434	450	2.560	424
8	Thanh Chương	Ha	4.236	268	3.550	418

**3. Dự kiến tiến độ trồng mới**

Trong giai đoạn 2013 – 2020, dự kiến toàn tỉnh sẽ trồng mới 16.301 ha cao su, được bố trí như sau:

TT	Huyện, thị	Tổng	2013	2014	2015	2016	2017
	<b>Tổng số:</b>	<b>16.301</b>	<b>2.220</b>	<b>6.000</b>	<b>6.000</b>	<b>1.354</b>	<b>727</b>
1	Nghĩa Đàn	1.920	200	900	820	-	-
2	Quỳ Hợp	771	126	200	200	245	-
3	Tân Kỳ	1.183	250	300	392	241	-
4	Quỳ Châu	2.386	300	600	359	400	727
5	Quế Phong	3.089	475	1.200	1.414	-	-
6	Anh Sơn	2.984	350	1.352	1.282	-	-
7	Thanh Chương	3.968	519	1.448	1.533	468	-

**4. Dự kiến kết quả sản xuất**

- Dự kiến kết quả phát triển sản xuất cao su đến năm 2020 như sau:

TT	Hạng mục	ĐVT	Năm 2015	Năm 2020
1	Tổng diện tích	Ha	22.663	23.500
-	Diện tích kinh doanh	Ha	5.300	13.000
2	Năng suất bình quân	Tạ/ha	45	50
3	Sản lượng mủ tươi	Tấn	23.850	65.000
4	Sản lượng mủ khô	Tấn	6.900	18.000
-	Trong đó: Tiêu thụ trong nước	Tấn	2.700	5.200
-	Phục vụ xuất khẩu	Tấn	4.200	12.800

## **5. Quy hoạch chế biến và tiêu thụ cao su**

Đến năm 2020 toàn tỉnh có 23.500 ha cao su (diện tích kinh doanh 13.000 ha), với sản lượng mủ tươi ước đạt 64.000 - 66.000 tấn (tương đương 17.000 - 18.000 tấn mủ khô/năm). Như vậy sẽ cần xây dựng các nhà máy chế biến có tổng công suất 18.000 tấn mủ khô/năm. Để có hệ số an toàn trong đầu tư và đáp ứng được nhu cầu chế biến ở thời vụ thu hoạch cao điểm thực tế phải cần công suất chế biến 20.000 tấn/năm. Hiện tại công suất chế biến cao su toàn tỉnh thực tế là 2.500 tấn/năm, như vậy đến năm 2020 cần bổ sung thêm công suất chế biến 18.000 tấn/năm. Do đó từ nay đến năm 2020 từng bước đầu tư, nâng cấp công nghệ và năng lực chế biến phù hợp với nhu cầu chế biến của từng vùng nguyên liệu.

## **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Giải pháp về khoa học công nghệ**

Nghiên cứu, tiếp thu và ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong nước và thế giới để đầu tư phát triển sản xuất cao su theo hướng hiện đại, chú trọng việc ứng dụng công nghệ cao, phù hợp với điều kiện sản xuất của từng vùng, từng địa phương với hiệu quả cao và bền vững. Trong đó cần chú ý:

- Về giống: Tiếp tục sử dụng các giống cao su RRIM 712, RRIC 121, LH83/85, GT1, Lai hoa,... có khả năng chống chịu rét, gió bão, sinh trưởng tốt với điều kiện tự nhiên tại địa phương.

Đối với cao su trồng trên đất lâm nghiệp tại các huyện Thanh Chương, Anh Sơn, Quế Phong,... tiếp tục nghiên cứu để chọn bộ giống phù hợp với điều kiện tiểu vùng sinh thái.

Đẩy nhanh tiến độ việc thành lập "Trung tâm nghiên cứu và chuyển giao kỹ thuật giống cây cao su" dự kiến đặt tại xã Thanh Đức huyện Thanh Chương với tổng diện tích 350 ha, quy hoạch vườn ươm, vườn nhân, vườn cây khảo nghiệm.

- Ứng dụng cơ giới hóa: Thúc đẩy việc sử dụng các loại máy móc cơ giới trong quá trình khai hoang, làm đất,... để tiết kiệm nhân công và thời gian, tăng hiệu quả sản xuất. Đầu tư công nghệ thu hoạch và các nhà máy chế biến hiện đại để tạo ra các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng xuất khẩu, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

- Khuyến nông: Tăng cường công tác tập huấn, chuyển giao kỹ thuật, hướng dẫn cho người dân về quy trình kỹ thuật trồng mới, chăm sóc và áp dụng các quy trình khai thác theo đúng tiêu chuẩn. Trong đó chú trọng quy trình ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học và bảo vệ môi trường để người sản xuất từng bước ứng dụng vào sản xuất.

### **2. Giải pháp về cơ chế chính sách**

- Điều chỉnh, bổ sung Quyết định 09/2012/QĐ-UBND ngày 04/02/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2012 - 2015. Trong đó chính sách hỗ trợ đối với cây cao su:

+ Hỗ trợ 50% giá giống.

+ Hỗ trợ làm đất khai hoang để trồng mới cao su với mức 2 triệu đồng/ha đối với các huyện vùng trung du và 5 triệu đồng/ha đối với các huyện vùng miền núi cao.

+ Hỗ trợ 100% lãi suất ngân hàng với mức vay tối đa không quá 80 triệu đồng/ha, thời hạn vay 03 năm cho các hộ dân khi vay vốn để đầu tư trồng mới và chăm sóc cao su trong giai đoạn kiến thiết cơ bản.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn hiện hành, cụ thể như: Chính sách khuyến khích hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, xây dựng cánh đồng lớn theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch tại Quyết định số 68/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ,...

- Tạo điều kiện trong việc đền bù giải phóng mặt bằng cho các chủ đầu tư thuê đất để đầu tư phát triển cao su.

- Nghiên cứu ban hành chính sách bảo hiểm sản xuất cho người nông dân trồng cao su khi bị thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Nghiên cứu bổ sung nguồn vốn cho các Công ty TNHH MTV nông lâm nghiệp theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ đảm bảo vốn cho các công ty này đầu tư phát triển cao su.

- Chính sách về tín dụng: Các ngân hàng thương mại ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển cao su. Cần có mức vay, thời hạn vay, lãi suất vay phù hợp và cần có chính sách tín dụng ưu tiên, ưu đãi để khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển cao su.

- Các Công ty sản xuất cao su cần ban hành các chính sách hỗ trợ, đầu tư phát triển sản xuất cao su trong vùng nguyên liệu, đảm bảo hài hoà lợi ích lâu dài giữa doanh nghiệp và người trồng cao su.

### **3. Giải pháp về thị trường và xúc tiến đầu tư**

- Mở rộng quan hệ quốc tế để trao đổi thông tin, tăng cường xúc tiến thương mại để giới thiệu, chủ động tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cao su của tỉnh Nghệ An.

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội chợ để kêu gọi, thu hút các tổ chức, cá nhân vào liên doanh, liên kết phát triển sản xuất cao su và đầu tư các cơ sở chế biến theo quy hoạch được duyệt.

- Thành lập Hiệp hội cao su Nghệ An để thống nhất quy trình sản xuất, kế hoạch, tìm kiếm thị trường; tham gia vào hiệp hội cao su Việt Nam.

- Xây dựng chính sách và chiến lược phát triển lâu dài, toàn diện đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Tiếp tục đổi mới công nghệ chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường các chủng loại sản phẩm như SVR 10, SVR 20, cao su ly tâm và mù tạt xông khói, giảm các sản phẩm SVR 3L. Qua đó nhằm giảm lệ thuộc vào thị trường Trung Quốc, hướng tới các thị trường có tăng trưởng kinh tế cao (như Tây Âu, Bắc Mỹ,...), hạn chế xuất khẩu thô.

### **4. Chuyển giao công nghệ - đào tạo nguồn nhân lực**

- Có chính sách thu hút hợp lý nguồn lao động có trình độ cao về phục vụ



trong ngành cao su. Thực hiện đào tạo, đào tạo lại lực lượng cán bộ, công nhân kỹ thuật nhằm đảm ứng ngày càng cao yêu cầu của sản xuất.

- Đào tạo, nâng cao trình độ kỹ thuật cho người lao động từ khâu làm đất, chọn giống đến chăm sóc nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, kéo dài chu kỳ kinh doanh của cây cao su.

- Tổ chức các khóa đào tạo cơ bản, hội thảo, phổ biến tài liệu, thông tin khoa học kỹ thuật đến các hộ gia đình, giúp người dân nắm vững các kiến thức trong sản xuất và xây dựng, phát triển tốt vườn cây của mình.

## **5. Giải pháp về đầu tư**

- Khái toán vốn đầu tư: 1.246.330 triệu đồng, trong đó:

+ Trồng mới và chăm sóc thời kỳ KTCB:	1.010.662 triệu đồng
+ Khai hoang:	86.268 triệu đồng
+ Chế biến:	80.000 triệu đồng
+ Giao thông:	39.400 triệu đồng
+ Khuyến nông:	5.000 triệu đồng
+ Đầu tư khác:	25.000 triệu đồng

- Nguồn vốn đầu tư: Để thực hiện quy hoạch, cần đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư. Trong đó: Vốn của các doanh nghiệp sản xuất cao su và vốn của các hộ dân trồng cao su là hai nguồn vốn chính; Nhà nước hỗ trợ thông qua các cơ chế chính sách hiện hành và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **6. Danh mục các dự án ưu tiên**

- Các doanh nghiệp, đơn vị xây dựng các quy hoạch chi tiết vùng nguyên liệu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các dự án đầu tư phát triển sản xuất cao su trên cơ sở quy hoạch được duyệt.

- Các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp các cơ sở chế biến cao su trong vùng nguyên liệu của đơn vị đã được phê duyệt.

# **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

## **1. Phương thức tổ chức thực hiện**

Để đạt mục tiêu đề ra, việc tổ chức thực hiện quy hoạch phải tuân thủ theo các quy định của nhà nước, thực hiện theo các hình thức là:

- Cho các doanh nghiệp thuê đất ở những nơi có đủ điều kiện thuê đất để phát triển cao su đảm bảo chủ động nguồn nguyên liệu, còn lại để đất cho nhân dân sản xuất.

- Đẩy mạnh hình thức liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp với các hộ dân để tổ chức phát triển sản xuất cao su thông qua hợp đồng kinh tế, trên cơ sở đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp và lợi ích của nhân dân. Đây là hình thức chủ yếu để phát triển cao su của tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

- Doanh nghiệp phối hợp với các hộ dân, đơn vị có đất góp vốn, cổ phần bằng quyền sử dụng đất để phát triển cao su.

## **2. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan**

### **a) Sở Nông nghiệp và PTNT**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn, tổ chức quản lý và chỉ đạo địa phương, đơn vị, doanh nghiệp triển khai thực hiện quy hoạch này; điều phối, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, tham mưu UBND tỉnh giải quyết các vướng mắc và đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách cần thiết liên quan đến việc triển khai thực hiện quy hoạch này.

- Chỉ đạo các địa phương, doanh nghiệp thực hiện tốt công tác quản lý vùng nguyên liệu, thu mua, chế biến, đảm bảo chất lượng sản phẩm cao su ngày càng được nâng lên.

### **b) Các Sở ban, ngành liên quan**

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT trong việc tham mưu giao chỉ tiêu trồng mới cao su hàng năm cho các địa phương thực hiện; Đồng thời, cân đối nguồn vốn đầu tư để thực hiện quy hoạch.

- Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc tham mưu điều chỉnh bổ sung một số chính sách phát triển cao su; Đồng thời, cân đối các nguồn vốn chính sách để thực hiện quy hoạch.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành, địa phương để tham mưu trình UBND tỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giải quyết tranh chấp, khiếu nại,... theo quy định hiện hành đảm bảo thực hiện việc phát triển cao su theo quy hoạch phê duyệt có hiệu quả.

- Các sở, ban ngành khác: Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền được giao; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong tổ chức thực hiện quy hoạch; tham mưu cho UBND tỉnh về những vấn đề liên quan lĩnh vực ngành của mình quản lý, giải quyết các vướng mắc để thực hiện quy hoạch có hiệu quả.

### **c) UBND các huyện trong vùng quy hoạch**

- Chủ trì triển khai thực hiện quy hoạch và quản lý việc thực hiện quy hoạch thuộc địa bàn quản lý một cách có hiệu quả.

- Phối hợp tốt với các đơn vị, cá nhân trong công tác giải phóng mặt bằng để cho các doanh nghiệp thuê đất trồng cao su.

- Tăng cường vai trò quản lý nhà nước trên địa bàn, chỉ đạo thực hiện trồng mới, chăm sóc diện tích cao su trên địa bàn đối với diện tích cao su tiểu điền.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các doanh nghiệp sản xuất cao su trên địa bàn, đẩy mạnh hoạt động khuyến nông, hướng dẫn tập huấn kỹ thuật cho bà con nông dân từ trồng mới, chăm sóc đến thu hoạch theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Phối hợp với các doanh nghiệp triển khai việc liên doanh, liên kết với các hộ dân để phát triển cao su trên địa bàn.

d) Các doanh nghiệp trồng và chế biến cao su

- Sau khi quy hoạch được phê duyệt, từng doanh nghiệp sản xuất cao su xây dựng dự án đầu tư trồng và chăm sóc cao su thuộc vùng nguyên liệu của mình, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, làm căn cứ thực hiện đúng quy hoạch được duyệt.

- Bố trí đủ nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư phát triển cao su như đã cam kết; đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng cao su. Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su phù hợp với quy mô vùng nguyên liệu.

- Triển khai liên doanh, liên kết với hộ gia đình để trồng cao su; hướng dẫn, hỗ trợ nông dân trong quá trình mở rộng diện tích cao su, thu mua nguyên liệu thông qua hợp đồng kinh tế.

- Làm tốt công tác tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; cung ứng giống, vật tư, phân bón,... đảm bảo chất lượng cho người trồng cao su.

- Tìm kiếm thị trường xuất khẩu, trên cơ sở giá bán sản phẩm điều chỉnh giá thu mua mủ cao su hợp lý, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa người trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

**Điều 2.** Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với UBND các huyện có quy hoạch vùng trồng cao su nêu trên hướng dẫn, tạo điều kiện để các chủ đầu tư thực hiện tốt quy hoạch được duyệt tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định của UBND tỉnh Nghệ An: Số 1708/QĐ-UBND-NN ngày 29/4/2009, Số 5990/QĐ-UBND-NN ngày 11/11/2009, Số 1866/QĐ-UBND ngày 27/5/2011, Số 4865/QĐ-UBND ngày 10/11/2011, Số 5334/QĐ-UBND ngày 06/12/2011, Số 4081/QĐ-UBND ngày 13/9/2013..

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện vùng quy hoạch; Chủ đầu tư các dự án trồng cao su, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCTNN;
- PVPTC;
- Lưu: VTUB, CVNN.

30 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đinh Viết Hồng**

